

Bản án số: 37/2018/DS - ST

Ngày: 21 - 9 - 2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Phương

2. Bà Phạm Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký tòa án nhân dân huyện Tân Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2018, về: tranh chấp Hợp đồng vay tài sản; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm và quyết định hoãn phiên tòa ngày 05/9/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1956 (có mặt) và bà Đặng Thị Mỹ L, sinh năm 1987 (vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 2, thôn X, xã Y, thị xã Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn X, xã Y, thị xã Z, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 02 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – ông Trần Văn H và bà Đặng Thị Mỹ L trình bày:

Do có sự quen biết, nên vào tháng 9/2013, ông Trần Văn H, bà Đặng Thị Mỹ L có cho ông Nguyễn Ngọc T vay số tiền 300.000.000 đồng, khi vay có thể chấp sổ đỏ của ông T, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, hai bên lập giấy mượn tiền viết tay, thời hạn trả nợ khi ông H, bà L có yêu cầu trả nợ.

Sau 02 tháng, ông T có đề nghị được mượn lại sổ đỏ và được vợ chồng ông H, bà L giao cho ông T.

Do trong quá trình sửa chữa nhà, ông H, bà L để thất lạc giấy tờ mượn tiền trên, nên ngày 25/10/2016, ông H, bà L đã yêu cầu ông T viết giấy mượn tiền để có cơ sở đòi nợ và đã được ông T xác nhận ký tên và điểm chỉ vào giấy mượn tiền ngày 25/10/2016.

Mặc dù ông H, bà L đã rất nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền nợ lãi và nợ gốc nhưng kể từ sau khi ông T nhận lại bìa đồ thì ông T không thanh toán thêm khoản tiền lãi suất và tiền gốc cho ông H, bà L.

Ông H và bà L xác nhận: các giao dịch cho vay tiền đều chỉ do cá nhân ông T thực hiện, không liên quan gì đến vợ của ông T.

Nay ông H, bà L khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Ngọc T phải hoàn trả tiền nợ gốc: 300.000.000 đồng và khoản tiền lãi suất 10%/năm tính từ ngày 25/10/2016 đến ngày xét xử với số tiền: 54.583.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn – ông Nguyễn Ngọc T vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của phía bị đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành cho rằng:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm về cơ bản đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng dân sự, cụ thể: thu thập tài liệu chứng cứ đúng quy định, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết, các quyền và nghĩa vụ của đương sự đã được thực hiện đầy đủ; tuy nhiên vụ án còn kéo dài so với thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: Qua trình bày của đương sự, cùng tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: ông T mượn tiền của ông H, bà L là có thật, điều này được thể hiện trên giấy mượn tiền ngày 25/10/2016; giấy mượn tiền này đã được tổng đạt đến cho ông T biết, nhưng ông T không phản đối và cũng không cung cấp được giấy tờ để thể hiện đã thanh toán khoản tiền trên cho ông H, bà L. Do đó căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà L, buộc ông T phải hoàn trả lại cho ông H, bà L số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và khoản tiền lãi suất 10%/năm tính từ ngày 25/10/2016 đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Trần Văn H, bà Đặng Thị Mỹ L thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; bị đơn – ông Nguyễn Ngọc T có địa chỉ tại thị xã Phú Mỹ; nay có tranh chấp nên xác định đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Đối với bị đơn – ông Nguyễn Ngọc T không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và nguyên đơn bà Đặng Thị Mỹ L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của ông Trần Văn H, bà Đặng Thị Mỹ L về yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T phải hoàn trả số tiền mượn 300.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo ông H, bà L xác nhận: do quen biết, nên vào tháng 9 năm 2013, ông H, bà L đã cho ông T mượn số tiền 300.000.000 đồng; lãi suất 2% tháng, khi cho vay ông T có đưa cho giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H bà L giữ. Kể từ thời điểm sau 02 tháng, ông T nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì ông T không thanh toán khoản tiền lãi cho ông H, bà L. Do giấy tờ cho vay tiền ban đầu bị mất nên để làm căn cứ đòi nợ, ngày 25/10/2016, ông H, bà L yêu cầu ông T viết giấy mượn tiền xác nhận đúng nội dung vay mượn trên.

Chứng cứ mà ông H, bà L cung cấp là giấy mượn tiền ngày 25/10/2016 có nội dung: “Tôi tên Nguyễn Ngọc T.....Nguyên vào tháng 9 năm 2013, tôi có đến nhà vợ chồng anh Trần Văn H, bà Đặng Thị Mỹ L thế chấp sổ chủ quyền đất với số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 2%. Hai tháng sau giấy chủ quyền đất đã mượn lại cho đến nay.....”.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T, Tòa án đã ban hành Thông báo về việc gửi đơn khởi kiện, chứng cứ nguyên đơn cung cấp và chứng cứ là Giấy mượn tiền ngày 25/10/2016 đã được phô tô niêm yết, gửi cho ông Nguyễn Ngọc T; cùng quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ với nội dung yêu cầu ông T cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ có liên quan đến việc viết Giấy mượn tiền ngày 25/10/2016; tuy nhiên cho đến ngày xét xử sơ thẩm, ông T không có ý kiến gì về giấy mượn tiền ngày 25/10/2016.

Do đó theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì: chứng cứ là giấy mượn tiền ngày 25/10/2016 có giá trị pháp lý. Căn cứ vào nội dung của giấy mượn tiền này thì có đủ cơ sở để xác định: Ông T có mượn vợ chồng ông H, bà L số tiền 300.000.000 đồng. Cho đến thời điểm xét xử, ông T cũng không cung cấp cho Tòa án được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền mượn trên.

Việc ông Nguyễn Ngọc T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Tòa án chỉ căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong vụ án để giải quyết.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định ông T có vay tiền của ông H, bà L đến nay vẫn chưa trả, nên việc ông H, bà L khởi kiện ông T để yêu cầu trả lại số tiền 300.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của ông Trần Văn H, bà Đặng Thị Mỹ L về yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T phải hoàn trả số tiền lãi 54.583.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Việc bà L, ông H và ông T thỏa thuận lãi suất vay 2%/tháng là vượt quá lãi suất giới hạn được quy định của pháp luật; nay ông H, bà L yêu cầu mức lãi suất 10%/năm là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật, nên áp dụng mức lãi suất cho vay 10%/năm theo yêu cầu của ông H, bà L để buộc ông T thanh toán tiền lãi suất vay.

Về thời hạn tính lãi suất: Theo thỏa thuận ông T phải thanh toán tiền lãi suất vay cho ông H, bà L từ tháng 9 năm 2013; tuy nhiên, ông H, bà L chỉ yêu cầu

ông T thanh toán tiền lãi từ ngày 25/10/2016 đến ngày xét xử là có lợi cho bị đơn – ông T (bằng 21 tháng 26 ngày).

Do đó, số tiền lãi suất mà ông T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông H, bà L được tính như sau: $300.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 21 \text{ tháng} \times 26 \text{ ngày} = 54.583.000 \text{ đồng}$.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là phù hợp; cụ thể ông T phải nộp số tiền: $354.583.000 \text{ đồng} \times 5\% = 17.729.000 \text{ đồng}$;

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H, bà Đặng Thị Mỹ L khởi kiện ông Nguyễn Ngọc T về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”;

Buộc ông Nguyễn Ngọc T phải hoàn trả cho ông Trần Văn H, bà Đặng Thị Mỹ L số tiền nợ gốc là: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng);

Buộc ông Nguyễn Ngọc T phải hoàn trả cho ông Trần Văn H, bà Đặng Thị Mỹ L số tiền nợ lãi là: 54.583.000đ (Năm mươi triệu năm trăm tám mươi ba ngàn đồng);

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu án phí là: 17.729.000đ (Mười bảy triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn đồng);

4. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Trần Văn H, bà Đặng Thị Mỹ L số tiền 14.060.000đ (Mười bốn triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng) theo biên L thu tiền tạm ứng án phí số 0000681 ngày 14/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thành (Nay là thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

5. Các đương sự được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (người vắng mặt cũng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân huyện Tân Thành;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Cao Xuân Long